

PHỤ LỤC 02

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

PHẦN I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

A. Đánh giá chung

Năm 2022 là năm thế giới có nhiều biến động lớn và khó tiên đoán. Kinh tế toàn cầu đang trong quá trình phục hồi sau đại dịch Covid-19 đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi các xung đột địa chính trị tại nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là cuộc chiến giữa Nga và Ukraine; các lệnh trừng phạt và tự trừng phạt giữa Mỹ và đồng minh đối với Nga gây ra khủng hoảng năng lượng tại Châu Âu nói riêng và toàn cầu nói chung (giá dầu thô Dated Brent có thời điểm đạt trên 130 USD/thùng), sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu; chính sách Zero - Covid của Trung Quốc.

Giá cả hàng hoá tăng phi mã, lạm phát đã tăng kỷ lục trong nhiều thập kỷ tại nhiều quốc gia trên thế giới buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ (tăng lãi suất vay để kiểm soát lạm phát), tỷ giá các đồng tiền trên thế giới năm 2022 biến động mạnh.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam không tránh khỏi những tác động bất lợi, tuy nhiên nhờ sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và các chính sách kinh tế vĩ mô được điều chỉnh phù hợp, linh hoạt và kịp thời; nền chính trị ổn định; sự chỉ đạo điều hành kịp thời, quyết liệt, sát sao của Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, kinh tế nước ta đạt mức tăng trưởng 8,02%, đây là mức tăng trưởng cao nhất của Việt Nam trong giai đoạn 2011-2022 trở lại đây và là mức cao trong năm 2022 so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Với phương châm tăng cường quản trị biến động, tối đa giá trị, mở rộng thị trường, liên kết đầu tư và phục hồi tăng trưởng; sự quan tâm, ủng hộ của các cấp thẩm quyền; Sự đoàn kết, quyết tâm, chủ động và linh hoạt của Tập thể lãnh đạo và NLĐ BSR, NMLD Dung Quất được vận hành an toàn, ổn định và liên tục ở công suất tối ưu cao hơn công suất kế hoạch; v.v... Năm 2022, BSR đã đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu về sản xuất và tài chính, trong đó LNST hợp nhất đạt 14.669,3 tỷ đồng (đạt 1.132,4% KH được ĐHĐCĐ thông qua và 125,1% so với KH điều chỉnh), nộp NSNN hợp nhất trên 19.040,7 tỷ đồng (đạt 191,5% kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua và 122% so với KH điều chỉnh).

Một số yếu tố, điều kiện ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của BSR như sau:

1. Thuận lợi

a) Nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Chính phủ và các Bộ ngành liên quan.

b) Kinh tế vĩ mô của Việt Nam ổn định, các chính sách của Đảng/Nhà nước đã và đang hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch và tốc độ phục hồi của nền kinh tế Việt Nam ở mức cao.

c) Hệ thống quản trị ngày càng được hoàn thiện và tối ưu; HĐQT và Ban điều hành

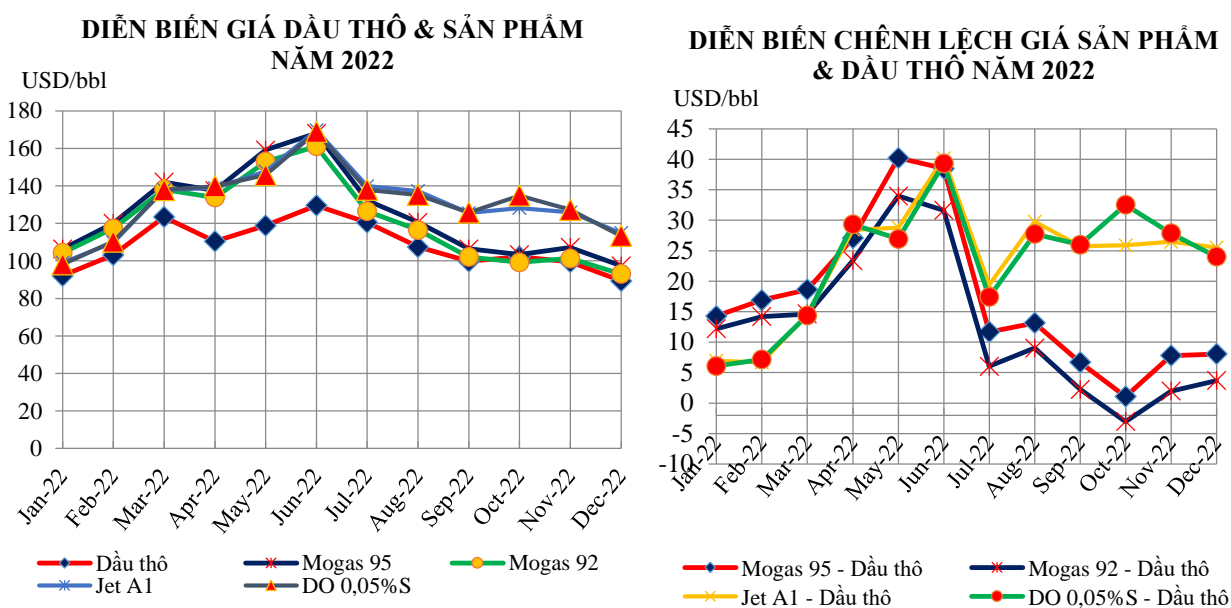
BSR luôn đoàn kết, thống nhất cao trong mọi hành động; công tác điều hành/ứng phó với các biến động thị trường linh hoạt, kịp thời và ngày càng hiệu quả; Đội ngũ lao động lành nghề, tích lũy nhiều kinh nghiệm, tập thể lãnh đạo và người lao động luôn đoàn kết và sáng tạo.

d) Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước được duy trì ở mức cao.

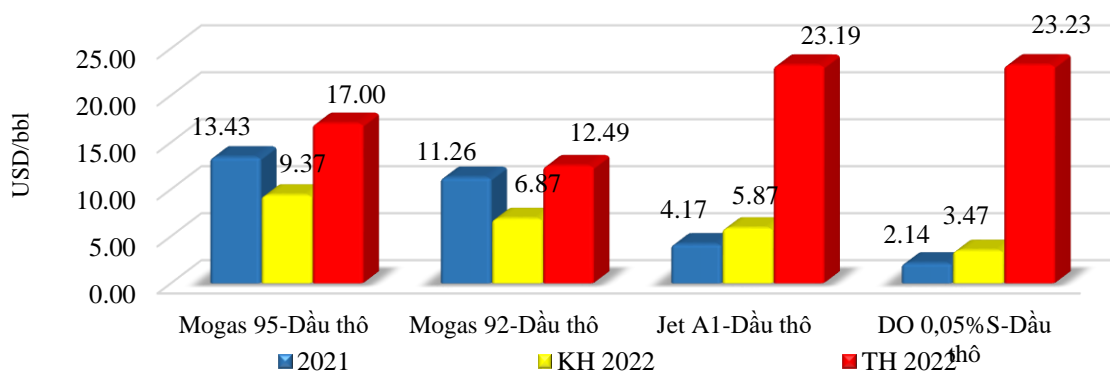
e) Đại dịch Covid-19 trên thế giới và trong nước đã được kiểm soát.

f) Giá dầu thô tăng cao và khoảng cách giá giữa giá sản phẩm và dầu thô (crack margin) mở rộng hơn nhiều so với KH và so với các năm trước

Diễn biến giá dầu thô, sản phẩm năm 2022 được thể hiện ở các biểu đồ sau:



CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM & DẦU THÔ NĂM 2021 & NĂM 2022



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DẦU THÔ, GIÁ SẢN PHẨM BÌNH QUÂN NĂM 2021 VÀ KHOẢNG CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM VỚI GIÁ DẦU THÔ THỰC HIỆN NĂM 2022 SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: USD/thùng

Stt	Nội dung	2021	2022		Chênh lệch	
			KH	TH	TH22/TH21	TH22/KH22
1	Dầu thô	73,67	64,61	108,00	34,33	43,39
2	Mogas 95	87,10	73,98	125,01	37,91	51,03

Stt	Nội dung	2021	2022		Chênh lệch	
			KH	TH	TH22/TH21	TH22/KH22
3	Mogas 92	84,93	71,48	120,50	35,57	49,02
4	Jet A1	77,84	70,48	131,20	53,36	60,72
5	DO 0,05%S	75,80	68,08	131,24	55,44	63,16
6	Mogas 95-Dầu thô	13,43	9,37	17,00	3,57	7,63
7	Mogas 92-Dầu thô	11,26	6,87	12,49	1,23	5,62
8	Jet A1-Dầu thô	4,17	5,87	23,19	19,02	17,32
9	DO 0,05%S-Dầu thô	2,14	3,47	23,23	21,09	19,76

Ghi chú: Giá dầu thô được tính trên cơ sở giá dầu Dtd Brent + Premium + các chi phí khác có liên quan.

2. Khó khăn

a) Trong năm 2022, lạm phát tăng cao, sự phục hồi tăng trưởng kinh tế thế giới sau đại dịch Covid 19 bị chậm lại và nền kinh tế nhiều quốc gia có nguy cơ suy thoái, cuộc chiến giữa Nga và Ukraine diễn biến phức tạp, khủng hoảng năng lượng tại các nước Châu Âu và nhiều nước trên thế giới, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, tỷ giá USD tăng cao, Trung Quốc thực hiện chính sách Zero Covid, v.v.... Các lệnh trừng phạt/tự trừng phạt của Mỹ và đồng minh liên quan đến xuất khẩu dầu khí và áp giá trần đối với dầu khí của Nga, v.v... dẫn đến các nguồn dầu truyền thống của NMLD Dung Quất bị cạnh tranh gay gắt (phụ phí dầu thô tăng đột biến) điều này đã tác động rất lớn đến công tác tìm mua dầu thô cho NMLD Dung Quất.

b) Các khó khăn, vướng mắc liên quan đến Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư số 38/2014/TT-BTC dự kiến sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

c) Khó khăn trong việc triển khai đầu tư dự án NCMR NMLD Dung Quất.

d) Nhà máy đã có thời gian vận hành trên 12 năm nên thiết bị, máy móc tiềm ẩn nhiều nguy cơ không đảm bảo nếu không được kiểm tra giám sát và chăm sóc, duy tu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, liên tục nên chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng.

e) Sản phẩm của BSR chịu sự cạnh tranh trực tiếp với nguồn xăng dầu nhập khẩu từ các nước mà Việt Nam tham gia hiệp định thương mại tự do và xăng dầu được sản xuất từ NMLD Nghi Sơn.

B. Kết quả hoạt động SXKD năm 2022

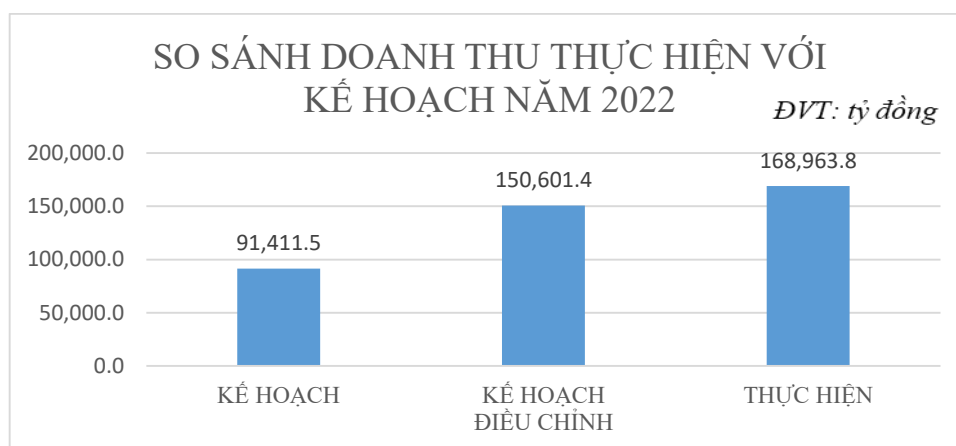
1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022		
				KH theo NQĐHĐCĐ số 1189/NQ- BSR	KHDC theo NQĐHĐQT số 5039/NQ- BSR	Thực hiện
I	Chỉ tiêu sản lượng					
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.528.804	6.499.087	6.499.087	7.010.828
2	Sản lượng tiêu thụ		6.423.553	6.499.087	6.499.087	7.003.079
II	Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)					
1	Tổng doanh thu		102.164,0	91.677,7	150.687,7	168.963,8

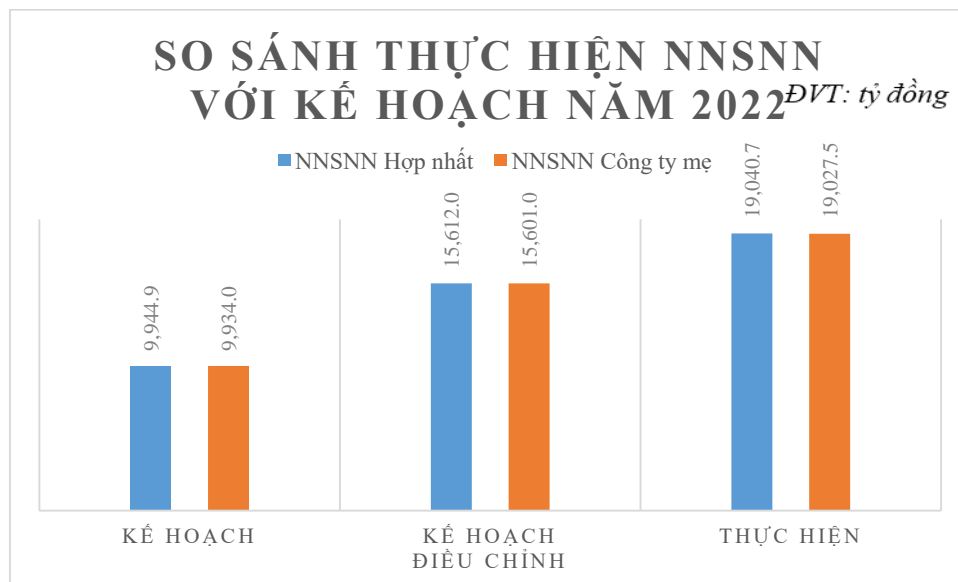
Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022		
				KH theo NQĐHĐCĐ số 1189/NQ-BSR	KHĐC theo NQHĐQT số 5039/NQ-BSR	Thực hiện
2	Nộp NSNN	Tỷ đồng	11.379,3	9.944,9	15.612,0	19.040,7
3	Lợi nhuận trước thuế		6.940,7	1.370,7	12.412,5	15.585,8
4	Lợi nhuận sau thuế		6.683,5	1.295,4	11.728,7	14.669,3
III	Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	102.103,3	91.411,5	150.601,4	168.898,0
2	Nộp NSNN		11.366,7	9.934,0	15.601,0	19.027,5
3	Lợi nhuận trước thuế		7.031,5	1.474,1	12.515,9	15.750,5
4	Lợi nhuận sau thuế		6.776,7	1.400,8	11.834,1	14.836,2

So với Kế hoạch SXKD năm 2022 tất cả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều vượt xa kế hoạch năm được ĐHĐCĐ thông qua tại NQ số 1189/NQ-BSR và vượt Kế hoạch điều chỉnh theo ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT phê duyệt tại NQ số 5039/NQ-BSR, cụ thể như sau:

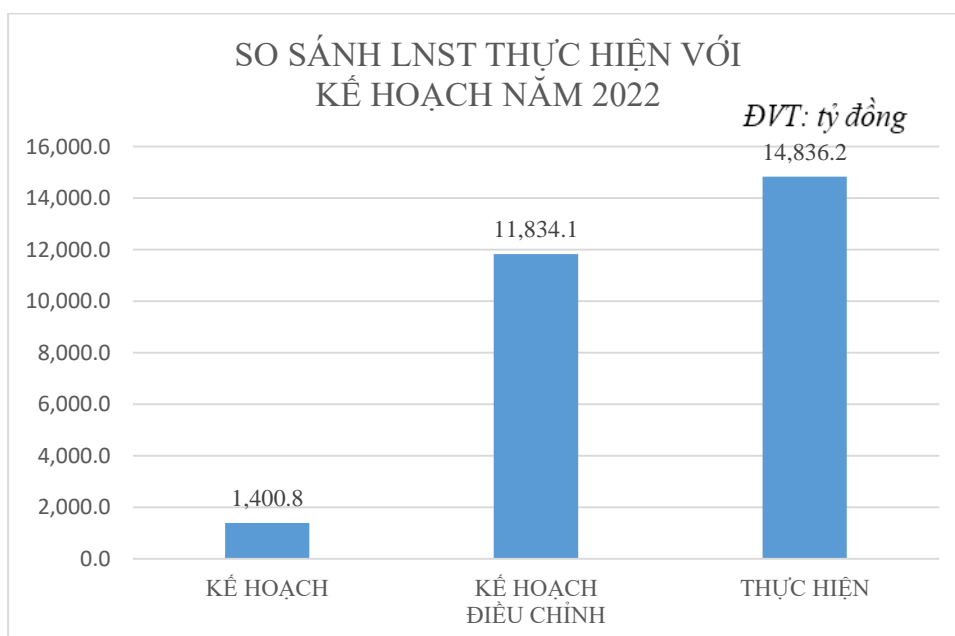
- Sản lượng sản xuất đạt 107,9% kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua/Kế hoạch điều chỉnh.
- Tổng doanh thu Công ty mẹ đạt 184,8% kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua và 112,1% so với kế hoạch điều chỉnh.



- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 1.059,1% kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua và 123,0% so với kế hoạch điều chỉnh.



–Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước Công ty đạt 191,5% kế hoạch được ĐHĐCD thông qua và 121,9% so với kế hoạch điều chỉnh.



2. Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ

Năm 2022, BSR đã thực hiện công tác An ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ (ATSKMT) được đảm bảo với kết quả đạt được là: Không có sự cố mất an ninh, không có sự cố cháy nổ, không có sự cố môi trường và không có sự cố mất ngày công lao động.

Năm 2022, BSR đạt khoảng 37,1 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI).

3. Công tác vận hành và bảo dưỡng sửa chữa

a) Công tác vận hành

–Trong năm 2022, Nhà máy vận hành an toàn, ổn định. Căn cứ nhu cầu thị trường BSR linh hoạt điều chỉnh tăng công suất vận hành. Công tác thực tập xử lý tình huống khẩn cấp, tầm soát rò rỉ, công tác bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ được tổ chức và thực hiện

theo kế hoạch, đảm bảo chất lượng.

- Chỉ số sẵn sàng vận hành (OA) trong năm đạt 95,5%.

- Chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (EII):106%.

- Kiểm soát chặt chẽ các điểm nhạy cảm về kỹ thuật, các bất thường công nghệ/ thiết bị, các mối nguy tiềm ẩn có thể gây ra sự cố về ổn định vận hành, chất lượng, nguyên liệu, HPXT đầu vào của Nhà máy để chủ động có các giải pháp phù hợp.

- Thực hiện tốt các công tác chuẩn bị ứng phó và đảm bảo an toàn vận hành trong mùa mưa bão.

b) Bảo dưỡng sửa chữa

Trong năm 2022, công tác BDSC được triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra và đạt được kết quả tốt.

Ngoài việc thực hiện công tác BDSC theo kế hoạch năm 2022, BSR còn thực hiện công tác chuyển bị cho kế hoạch bảo dưỡng tổng thể lần 5 gồm: thực hiện đánh giá, xây dựng danh mục công việc, bóc tách khối lượng công việc, lập khái toán chi phí và kế hoạch thực hiện TA5, phân chia gói thầu, tiến hành triển khai mua sắm hàng hóa và dịch vụ; đánh giá lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu chính.

4. Công tác tối ưu hóa

Trong năm 2022, BSR tích cực thực hiện công tác tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và đẩy nhanh việc triển khai, cập nhật các chương trình hành động hàng năm về tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, cụ thể như sau:

a) Tối ưu hóa năng lượng

- Giám sát chặt chẽ và tối ưu việc sử dụng năng lượng của các khu vực trong Nhà máy. Chỉ số EII năm 2022 là 106%.

- Đánh giá, thử nghiệm và triển khai các giải pháp tối ưu hóa năng lượng theo kế hoạch đã được phê duyệt như:

- Thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho các dự án tối ưu hóa năng lượng sẽ thực hiện trong giai đoạn TA5.

- Thiết kế, đánh giá và cập nhật tài liệu cho các cải tiến MOC tối ưu hóa năng lượng.

b) Tối ưu hóa công nghệ

- Nghiên cứu nâng hàm lượng lưu huỳnh trong dầu thô chế biến lên mức 0,14 – 0,15%wt và tăng tỷ lệ chế biến dầu ngoại lên trên 51% thể tích.

- Đã chế biến thử nghiệm thành công 2 loại dầu thô mới là Rabi Light (25%vol) và Hải Thạch (15%vol).

- Đã hoàn thành sản xuất thử nghiệm sản phẩm PP mới BOPP (500 tấn) đạt các chỉ tiêu chất lượng để xuất cho khách hàng.

–Đã nghiên cứu phương án nhập và chế biến thử nghiệm thành công 02 lô Straight Run Low Sulfur Fuel Oil (SR LSFO) của NSRP tại phân xưởng RFCC với tỷ lệ đến 10% công suất.

–Đã hoàn thành nghiên cứu phương án sản xuất và xuất bán các sản phẩm Nhiên liệu quốc phòng gồm xăng RON 83, Diesel DO L-62 và JetA-1K.

–Hoàn thành báo cáo phương án sản xuất và xuất bán sản phẩm Mixed C4 của Nhà máy. Dự kiến xuất bán lô đầu tiên cho NSRP trong thời gian tới.

–Thử nghiệm thành công việc by-pass LPG tại CDU (đưa qua bể TK-5102 thay vì đưa qua phân xưởng RFCC) để tăng tối đa Propylene tại RFCC.

–Hoàn thành triển khai lắp đặt ứng dụng biến tần cho bơm xuất sản phẩm Jet A1 (P-5207C).

–Hoàn thành phê duyệt MOC để nâng công suất SRU2 lên 130%.

–Nghiên cứu và triển khai các giải pháp để chuyển đổi xăng RON 92 thành RON 95 để đảm bảo khả năng tiêu thụ sản phẩm của BSR: Đã phê duyệt MOC cải tiến hạ tầng hiện hữu cho việc nhập cầu tử C9 qua cảng Jetty và phối trộn vào sản phẩm xăng của BSR để tăng sản lượng RON 95.

–Trình các cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt báo cáo cơ hội đầu tư cho các dự án: Bổ sung bể dầu thô; Bổ sung bể sản phẩm xăng; Cải tiến hệ thống đường ống FO để nhập nguyên liệu bổ sung cho phân xưởng RFCC từ bến 1-2 và kết hợp chuyển xuất ADO từ bến 1-2 sang bến 5-6; Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án mở rộng trạm xuất xe bồn. Lắp đặt hệ thống điện Năng lượng mặt trời tại Nhà máy.

–Hoàn thành chuyển đổi Amine tại phân xưởng ARU từ DEA sang MDEA hoặc tương đương nhằm tăng khả năng chế biến dầu thô có hàm lượng lưu huỳnh cao hơn.

–Hoàn thành thử nghiệm phối trộn dòng LCO-HVN từ phân xưởng RFCC vào trực tiếp DO khi dùng phân xưởng LCO-HDT.

–Đánh giá khả thi nhập và chế biến VGO tại NMLD Dung Quất.

c) Công tác chuyển đổi số

–BSR đã ký hợp đồng tư vấn xây dựng Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có phạm vi xác định định hướng chuyển đổi số cho BSR. Theo đó, Báo cáo Chiến lược phát triển của BSR sẽ thể hiện chiến lược chuyển đổi số của BSR đến năm 2030, tầm nhìn 2045 để thúc đẩy, dẫn dắt chuyển đổi mô hình kinh doanh của BSR theo chiến lược đồng thời gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và nâng cao năng lực quản trị.

–Khai thác hiệu quả và tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (ERP) giai đoạn 1 được tích hợp đồng bộ với các hệ thống quản lý sản xuất, điều hành.

–Xây dựng hệ thống mua sắm điện tử E-Procure, Hệ thống quản lý toàn diện công tác An toàn Sức khỏe Môi trường (HSES), thực hiện các giải pháp để tối ưu hóa sản xuất, nâng cao năng lực bảo dưỡng sửa chữa chuẩn đoán (Predictive Maintenance).

–Tăng cường công tác bảo mật an ninh mạng trên tổng thể các phương diện Con người-Quy trình-Công nghệ. Thực hiện đào tạo nhận thức, kiểm tra giám sát người dùng định kỳ và thực hiện truyền thông các vấn đề an ninh mạng một cách hiệu quả.

5. Cung ứng dầu thô và tiêu thụ sản phẩm

a) Cung cấp dầu thô

Năm 2022, BSR mua khoảng 7,45 triệu tấn dầu thô trong nước và nhập khẩu trong đó khối lượng dầu Việt Nam (Bạch Hổ, Đại Hùng, Tê Giác Trắng, Sư Tử Đen, Ruby, Chim Sáo, Rạng Đông, Hải Thạch) là 5,69 triệu tấn, khối lượng dầu thô nhập khẩu các loại (Azeri, WTI Midland, Kimanis, Bu Attifel, Rabi) là 1,76 triệu tấn”

b) Tình hình tiêu thụ sản phẩm

Khối lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm 2022 thể hiện ở bảng sau:

Stt	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh
1	Polypropylene	Tấn	169.905	160.332	94,4%
2	LPG	Tấn	468.666	476.974	101,8%
3	Xăng E5 RON 92	Tấn	43.859	27.169	61,9%
4	Xăng RON 91/92	Tấn	792.034	982.586	124,1%
5	Xăng RON 95	Tấn	2.004.401	1.898.493	94,7%
6	Xăng RON 83	Tấn		11.578	
7	Jet A1	Tấn	402.760	436.230	108,3%
8	Jet A1- K	Tấn		15.390	
9	Diesel Oil	Tấn	2.437.614	2.837.987	116,4%
10	Diesel Oil L-62	Tấn		12.904	
11	FO/MFO	Tấn	176.914	141.375	79,9%
12	Lưu huỳnh	Tấn	2.933	2.061	70,3%
	TỔNG	Tấn	6.499.087	7.003.079	107,8%

–**Xăng dầu:** Năm 2022, BSR ký kết hợp đồng term/miniterm với 20 khách hàng, tổng khối lượng xăng dầu BSR đã xuất bán ra thị trường trong năm là 6.364 nghìn tấn đã bao gồm các sản phẩm nhiên liệu quốc phòng là (Xăng Ron 83, Jet A1-K và Diesel Oil L-62) vượt kế hoạch 8,6%.

–**LPG:** Tổng khối lượng LPG xuất bán trong năm 2022 khoảng là 476,97 nghìn tấn vượt so với kế hoạch 1,8 %.

–**Polypropylene (PP):** Trong năm 2022, tình hình tiêu thụ PP gặp nhiều khó khăn, tổng sản lượng PP tiêu thụ trong năm là 160,33 nghìn tấn chỉ đạt 94,4% kế hoạch

6. Tình hình tồn kho vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

a) Vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

STT	Kho	ĐVT	Số tồn ngày 31/12/2022
1	Kho vật tư, phụ tùng	Tỷ đồng	1781,0
2	Kho dầu mỡ bôi trơn	Tỷ đồng	10,0
3	Kho xúc tác hóa phẩm	Tỷ đồng	152,0
4	Kho hóa chất thí nghiệm	Tỷ đồng	7,0

b) Dầu thô, sản phẩm

Khối lượng lưu kho tại Nhà máy tồn cuối năm 2022 là 214,0 nghìn tấn dầu thô và 110,67 nghìn tấn sản phẩm các loại.

C. Triển khai vốn đầu tư

1. Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư

Năm 2022, BSR chủ yếu thực hiện những công việc, dự án trong Kế hoạch năm 2022 chuyển tiếp nên còn thấp, nguyên nhân chủ yếu do tiến độ triển khai đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất bị chậm, ngoài ra một số dự án khác đang trong giai đoạn thẩm định hồ sơ Báo cáo NCKT/Báo cáo KTKT, triển khai các công việc chuẩn bị đầu tư, kết quả cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu đầu tư	ĐVT	KH 2022 NQĐHĐ CD số 1189/NQ- -BSR	KH 2022ĐC NQĐHĐ T số 5039/NQ- BSR	TH năm 2022	%TH so với KH	%TH so với KHĐC
I	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	620,75	252,60	244,26	39,3%	96,7%
1	Dự án NCMR NMLD	Tỷ đồng	376,13	73,70	73,59	19,6%	99,9%
2	Các dự án đầu tư khác	Tỷ đồng	71,31	5,60	5,17	7,3%	92,3%
2.1	Dự án thực hiện trong năm	Tỷ đồng	7,04	0,80	1,04	14,8%	130,0%
2.2	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	64,27	4,80	4,13	6,4%	86,0%
3	Mua sắm TSCĐ	Tỷ đồng	173,31	173,30	165,50	95,5%	95,5%
II	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	620,75	252,60	168,24	27,1%	66,6%
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	620,75	252,60	168,24	27,1%	66,6%
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-	-	-		-

2. Tình hình thực hiện các dự án

a) Dự án NCMR NMLD Dung Quất:

–Công tác báo cáo điều chỉnh Dự án đầu tư:

- + Tháng 06/2022, BSR đã báo cáo cấp thẩm quyền xin điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất.
- + Ngày 13/10/2022, Bộ Kế hoạch & Đầu tư có Công văn số 7328/BKHĐT-GSTĐĐT (lần 3) gửi các Bộ/ ngành (Bộ Quốc Phòng, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban QLVNN tại doanh nghiệp) về việc cho ý kiến thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất.
- + Ngày 14/11/2022, sau khi nhận được ý kiến góp ý từ các Bộ ngành, Bộ Kế hoạch & Đầu tư có Công văn số 8164/BKHĐT-GSTĐĐT yêu cầu Chủ đầu tư giải trình, bổ sung hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất.
- + Ngày 01/12/2022 BSR/DQRE có Công văn số 6762/BSR-DQRE gửi Bộ KH&ĐT về việc giải trình, bổ sung hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất.
- + Hiện tại, BSR/DQRE đang rà soát các nội dung đã dự thảo giải trình, bổ sung hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, đồng thời phối hợp Tư vấn PVE cập nhật Báo cáo Nghiên cứu tiền khả thi (Pre FS) theo ý kiến của các Bộ/Ngành.

–Tiểu Dự án: Hiện nay, BSR tiếp tục phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi (DEZA) và các cấp chính quyền địa phương giải quyết các tồn tại, vướng mắc phát sinh trên mặt bằng Dự án nhằm đẩy nhanh việc hoàn thành công tác thanh quyết toán của Tiểu dự án.

–Công tác Rà phá bom mìn (RPBM), vật nổ: Liên danh Nhà thầu đang chuẩn bị các thủ tục để triển khai thi công.

b) Các Dự án đầu tư xây dựng khác

–Dự án đầu tư “Lắp đặt mái che bảo vệ cho bộ lọc khí đầu vào máy nén A-3603-C-01 và động cơ diesel PD-3401F đang tiến hành các thủ tục để phát hành E-HSMT, tổ chức đấu thầu thực hiện Dự án.

–Dự án xây dựng nhà đào tạo, huấn luyện an toàn: đang triển khai lập, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật.

–Dự án xây dựng hàng rào bảo vệ mặt bằng mở rộng NMLD Dung Quất: đang triển khai lập, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật.

–Dự án Bổ sung thiết bị trao đổi nhiệt dạng tấm để thu hồi nhiệt của dòng nước ngưng công nghệ vào D-3201: đang triển khai lập, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật.

c) Đầu tư mua sắm TTB/TSCĐ

–Tiếp tục triển khai thực hiện ký kết hợp đồng mua sắm TTB/TSCĐ chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2021 sang và lập đơn hàng/dự toán các hạng mục TTB/TSCĐ mới trong kế hoạch năm 2022, giá trị thực hiện đạt 95,5% so với kế hoạch năm 2022.

D. Phân tích, đánh giá

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2022 là 14.836,2 tỷ đồng vượt 25,4% kế hoạch năm. Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty cụ thể như sau:

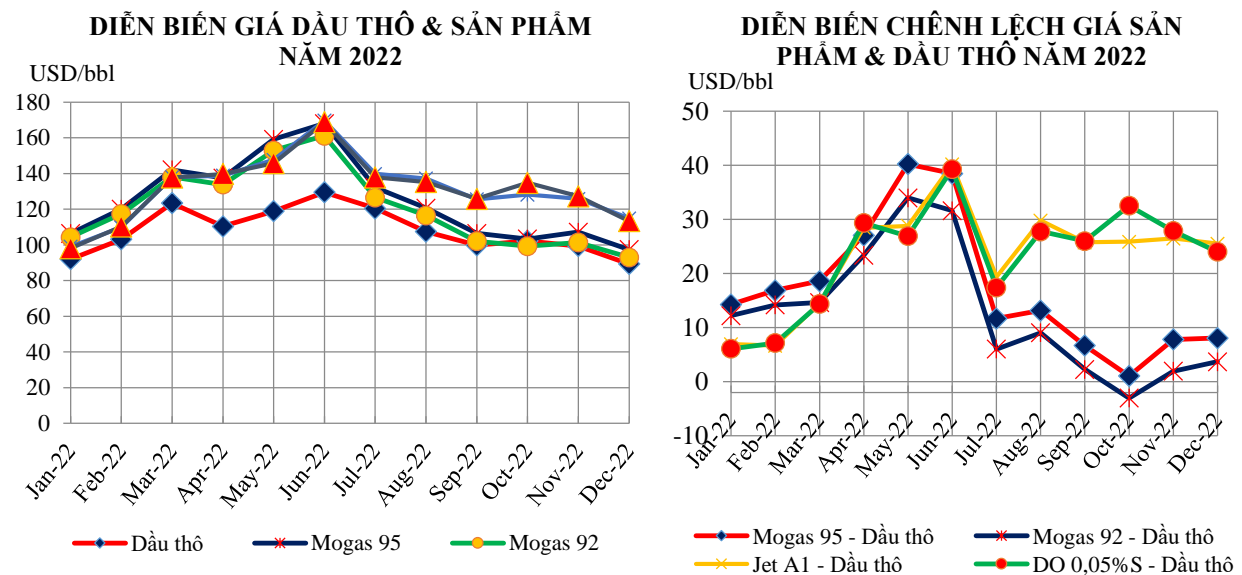
1. Sản lượng

Trong năm 2022, nhu cầu xăng dầu trong nước được duy trì ở mức tốt nên công tác tiêu thụ sản phẩm của BSR khá tốt, ngoại trừ sản phẩm PP. Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ cả năm đạt 7.003 nghìn tấn, vượt 7,8% kế hoạch năm góp phần làm tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

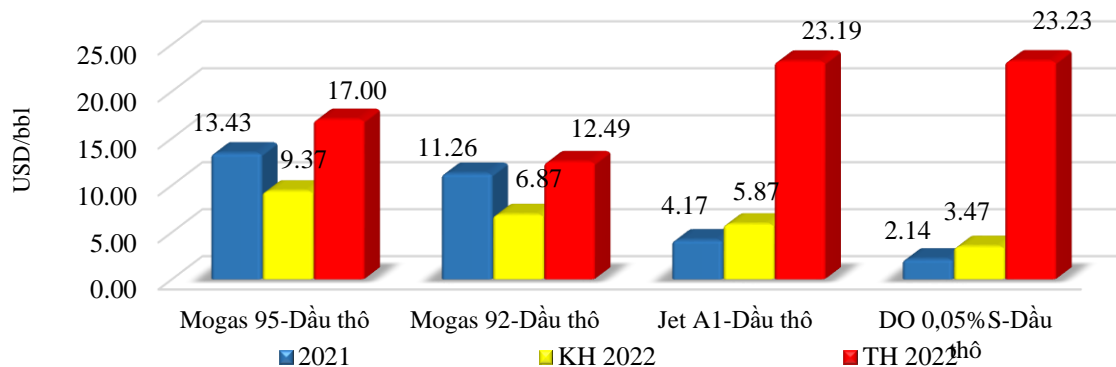
2. Thị trường dầu mỏ

Năm 2022, giá dầu thô và sản phẩm tăng mạnh, khoảng chênh lệch giữa giá dầu thô và sản phẩm cũng tăng mạnh so với kế hoạch năm 2022 và so với các năm trước là nguyên nhân chính khiến BSR đạt được mức doanh thu và lợi nhuận kỷ lục.

Diễn biến giá dầu thô, sản phẩm năm 2022 được thể hiện ở biểu đồ sau:



CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM & DẦU THÔ NĂM 2021 & NĂM 2022



Stt	Nội dung	2021	2022		Chênh lệch	
			KH	TH	TH21 vs. TH20	TH21 vs. KH21
1	Dầu thô	73,67	64,61	108,00	34,33	43,39

Stt	Nội dung	2021	2022		Chênh lệch	
			KH	TH	TH21 vs. TH20	TH21 vs. KH21
2	Mogas 95	87,10	73,98	125,01	37,91	51,03
3	Mogas 92	84,93	71,48	120,50	35,57	49,02
4	Jet A1	77,84	70,48	131,20	53,36	60,72
5	DO 0,05%S	75,80	68,08	131,24	55,44	63,16
6	Mogas 95-Dầu thô	13,43	9,37	17,00	3,57	7,63
7	Mogas 92-Dầu thô	11,26	6,87	12,49	1,23	5,62
8	Jet A1-Dầu thô	4,17	5,87	23,19	19,02	17,32
9	DO 0,05%S-Dầu thô	2,14	3,47	23,23	21,09	19,76

3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Để tối đa hóa lợi nhuận, BSR đã xác định công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm, BSR đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2022 tại Nghị quyết số 926/NQ-BSR ngày 31/3/2022 với mục tiêu tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, kết quả thực hiện tiết giảm chi phí năm 2022 của BSR là 206,17 tỷ đồng đã góp phần làm tăng lợi nhuận của Công ty.

PHẦN II - KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

A. Dự báo các nhân tố tác động đến hoạt động SXKD của BSR

➤ **Dự báo và phân tích các nhân tố tác động trực tiếp, gián tiếp đến hoạt động SXKD và đầu tư năm 2023 (các chính sách của Nhà nước, lạm phát, tỷ giá, tình hình giá cả, nhu cầu tiêu thụ, tồn kho...)**

– Năm 2023, thuế nhập khẩu xăng giảm từ 8% xuống còn 5% mức thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp tăng từ 5% lên 10% dẫn đến lợi nhuận của BSR bị ảnh hưởng theo hướng giảm.

– Lạm phát các nền kinh tế lớn trên thế giới đang ở mức rất cao và Việt Nam có nguy cơ nhập khẩu lạm phát từ nước ngoài khi nhiều sản phẩm trong nước phụ thuộc vào nguyên, nhiên liệu nhập khẩu. Điều này kéo theo chi phí hoạt động SXKD của BSR trong năm 2023 dự kiến tăng và đòi hỏi BSR phải nỗ lực giám sát, tối ưu chi phí.

– Khi mua dầu thô trong nước, BSR phải tham gia chào mua cạnh tranh với các người mua khác nên có rủi ro không mua được lô dầu để thu xếp đủ nguồn dầu thô cho NMLD Dung Quất đảm bảo an toàn sản xuất, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

– Ảnh hưởng của các Nghị định 95/2021/NĐ-CP và 83/2014/NĐ-CP về công thức giá trong đó giá cơ sở và phụ phí (Premium) có thể gây tác động bất lợi đến hiệu quả SXKD của BSR.

– Chịu sự cạnh tranh với xăng dầu nhập khẩu từ các nước Việt Nam tham gia hiệp định thương mại tự do và xăng dầu được sản xuất từ NMLD Nghi Sơn (NSRP). Đặc biệt là sản phẩm PP dự kiến sẽ gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh với sản phẩm của các nhà máy trong nước như Hyosung Vina, NSRP, LSP,... và hàng nhập khẩu từ các nước ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc.

– Thị trường dầu mỏ biến động rất nhanh và khó dự báo.

– Nhà máy sẽ thực hiện TA5 trong năm 2023 dẫn đến tổng sản lượng sản xuất và xuất bán thấp hơn các năm không có TA kéo theo tổng doanh thu và lợi nhuận giảm.

– Nhà máy đã có thời gian vận hành hơn 12 năm nên thiết bị, máy móc tiềm ẩn nguy cơ không đảm bảo nếu không được kiểm tra, giám sát và chăm sóc, duy tu bảo dưỡng sửa chữa một cách thường xuyên, liên tục và chú trọng. Điều này dẫn tới chi phí bảo dưỡng sẽ gia tăng.

– Khó khăn trong việc triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất.

➤ **Dự báo nhu cầu, những khó khăn thuận lợi từ thị trường (trong nước, khu vực và thế giới), biến động của thị trường năng lượng, xu thế chuyển dịch năng lượng, cân đối cung cầu và dự báo giá bán sản phẩm/ cung cấp dịch vụ trong năm 2023**

– **Thách thức**

+ Các Ngân hàng trung ương trên thế giới thắt chặt chính sách tiền tệ, liên tục tăng

lãi suất khiến cho triển vọng kinh tế thế giới ngày càng phức tạp, khó tiên đoán và có khả năng rơi vào suy thoái.

- + Mỗi lo ngại khan hiếm nguồn cung, căng thẳng địa chính trị và rủi ro nền kinh tế thế giới bị suy thoái sẽ tiếp tục tác động/chi phối thị trường dầu mỏ toàn cầu.
- + Xung đột chính trị và kinh tế giữa nhiều quốc gia đặc biệt những nước có trữ lượng khai thác dầu lớn vẫn còn diễn biến phức tạp, đã, đang và sẽ ảnh hưởng rất lớn đến thị trường dầu thế giới và khu vực tạo áp lực lên lạm phát, giá cả hàng hóa, vận chuyển trong và ngoài nước.
- + Xu thế chuyển dịch năng lượng đang diễn ra một cách mạnh mẽ tiếp tục ảnh hưởng đến thị trường dầu mỏ.

– Cơ hội

- + BSR luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo thường xuyên và sâu sát của Tập đoàn cũng như các cấp có thẩm quyền từ Trung ương đến địa phương.
- + Khả năng làm chủ công nghệ, tự chủ trong công tác vận hành bảo dưỡng, tối ưu hóa vận hành và tối ưu hóa chi phí sản xuất ngày càng được nâng cao.
- + Hệ thống quản trị của Công ty ngày càng củng cố và hoàn thiện góp phần nâng cao hiệu quả điều hành các hoạt động SXKD.
- + Việt Nam thích ứng với dịch bệnh nên nhu cầu đi lại của người dân ổn định, hoạt động sản xuất kinh doanh đã quay trở lại bình thường. Nhu cầu tiêu dùng và đi lại sẽ tăng cao trong những tháng lễ hội cuối năm và Tết Nguyên đán năm 2023.

B. Nhiệm vụ trọng tâm

1. Tập trung vận hành Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất, cơ cấu sản phẩm tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hoá hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của BSR.

2. Rà soát giải pháp về quản trị rủi ro để tối ưu công tác bảo dưỡng tổng thể NMLD Dung Quất (TA). Tính toán và có giải pháp để tạo ra sự khác biệt về mặt quản trị Nhà máy trong dài hạn. Nghiên cứu, tìm hiểu tình hình/thời điểm dừng vận hành để bảo dưỡng sửa chữa của các nhà máy lọc dầu khác trong khu vực, từ đó có các định hướng hợp lý trong kế hoạch triển khai TA5, cũng như cân đối công suất vận hành và cơ cấu sản phẩm sản xuất của NMLD Dung Quất, nhằm nắm bắt cơ hội tạo ra lợi nhuận tối ưu cho BSR.

3. Tiếp tục thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã được Chính phủ, Bộ Y tế, các cơ quan Trung ương, địa phương và Tập đoàn ban hành. Thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến, chủ động phương án ứng phó hiệu quả với dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh khác có thể xảy ra phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, đặc thù hoạt động của đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

4. Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo giá dầu thô và sản phẩm, chi phí vận chuyển/bảo hiểm, thông tin cung-cầu của thị trường trong nước và ngoài nước, tình hình dịch bệnh, rủi ro địa chính trị tại khu vực và quốc tế, v.v... để xây dựng và

cập nhật các kịch bản, giải pháp điều hành SXKD phù hợp, linh hoạt và kịp thời nhằm tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu rủi ro đến hoạt động SXKD của BSR.

5. Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại nguyên liệu (dầu thô và/hoặc các cấu tử trung gian) mới để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô cho Nhà máy, nâng cao sản lượng và hiệu quả SXKD.

6. Nghiên cứu, xem xét cơ hội hợp tác với các đối tác có năng lực để có các giải pháp phù hợp nhằm làm tốt và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu. Tính toán tăng khối lượng nhập các sản phẩm trung gian để gia tăng công suất các phân xưởng công nghệ của NMLD Dung Quất, tạo điều kiện gia tăng sản lượng cũng như hiệu quả sản xuất.

7. Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) tiêu thụ HPXT, vật tư tiêu hao, vật tư phụ tùng thay thế (spare parts), v.v... (gắn liền với công tác kiểm soát và cập nhật bộ định mức); (iii) năng lượng, tổn thất và mất mát, v.v... để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

8. Triển khai các bước tiếp theo của Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh) phù hợp với các quy định hiện hành ngay sau khi được Cấp thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, đảm bảo tiến độ và hiệu quả Dự án.

9. Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hoá của BSR ngay sau khi được Cấp thẩm quyền chấp thuận.

10. Khẩn trương hoàn thiện kế hoạch 5 năm 2021- 2025, Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, trong đó tập trung rà soát kỹ danh mục đầu tư, từ đó có các phương án cân đối vốn chủ sở hữu và quản trị dòng tiền hiệu quả.

11. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm thúc đẩy các định hướng của BSR theo chiến lược phát triển Công ty, quản trị rủi ro, mô hình sản xuất thông minh và đảm bảo hiệu quả các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp, cải tiến, biến đổi hoạt động của doanh nghiệp bằng cách tạo ra các quy trình kinh doanh mới, trải nghiệm khách hàng, văn hóa số và văn hóa Công ty.

12. Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động SXKD.

13. Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại Nhà máy.

14. Thực hiện các công việc khác do Đại hội đồng cổ đông giao.

C. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023

1. Chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ

STT	SẢN PHẨM	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023	
			Sản xuất	Tiêu thụ
1.	Polypropylene	Tấn	135.106	135.106
2.	LPG	Tấn	396.532	396.532

STT	SẢN PHẨM	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023	
			Sản xuất	Tiêu thụ
3.	Xăng E5 RON 92	Tấn	38.270	38.270
4.	Xăng RON 91/92	Tấn	788.786	788.786
5.	Xăng RON 95	Tấn	1.382.587	1.382.587
6.	Jet A1	Tấn	428.020	428.020
7.	Diesel Oil	Tấn	2.362.009	2.362.009
8.	Fuel Oil	Tấn	91.373	91.373
9.	Lưu huỳnh	Tấn	2.052	2.052
10.	TỔNG	Tấn	5.624.734	5.624.734

2. Kế hoạch tài chính toàn Công ty (hợp nhất)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2023	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.644,8	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.820,6	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.628,4	
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	9.825,3	
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Tỷ đồng/ người/ tháng	4,22	

3. Kế hoạch Công ty mẹ

a) Kế hoạch tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	51.384,6
+	<i>Trong đó: -Vốn điều lệ cuối kỳ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>31.005,0</i>
+	<i>Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn</i>	<i>%</i>	<i>92,12%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.370,8
3	Lợi nhuận trước thuế (*)	Tỷ đồng	1.912,7
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.721,5
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	3,4%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	5,6%
7	Hệ số nợ/vốn điều lệ	Lần	<3
8	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	3%

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
	– Chia cổ tức	Tỷ đồng	930,1
9	Cổ tức/ lợi nhuận nộp Tập đoàn	Tỷ đồng	856,9
10	Chia cổ tức cho cổ đông khác	Tỷ đồng	73,3
11	Nộp NSNN	Tỷ đồng	9.812,8

Ghi chú:

- Kế hoạch tài chính nêu trên được lập theo phương án giá dầu là 70USD/thùng.
- (*): Lợi nhuận trước thuế chưa tính đến tác động của hàng tồn kho.

b) Kế hoạch vốn đầu tư

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.622,5
1.1	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	1.043,8
-	Dự án NCMR NMLD Dung Quất	Tỷ đồng	954,8
-	Các dự án khác	Tỷ đồng	89,8
	+ Dự án thực hiện trong năm	Tỷ đồng	47,9
	+ Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	41,2
1.2	Mua sắm TTB & TSCĐ	Tỷ đồng	578,6
-	Các hạng mục chuyển tiếp	Tỷ đồng	368,9
-	Các hạng mục mua sắm mới trong năm 2022	Tỷ đồng	182,2
-	Dự phòng	Tỷ đồng	27,6
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	1.622,5
-	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.622,5
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-

Ghi chú:

- Công ty thường xuyên rà soát/đánh giá, sắp xếp các hạng mục đầu tư XD CB và mua sắm TTB&TSCĐ theo thứ tự ưu tiên cấp thiết. Xây dựng phương án cân đối vốn cụ thể cho từng hạng mục đầu tư XD CB và mua sắm TTB&TSCĐ, đảm bảo triển khai công tác đầu tư XD CB và mua sắm TTB&TSCĐ theo khả năng tài chính của Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định, pháp luật.
- Chỉ thực hiện đầu tư XD CB và mua sắm TTB&TSCĐ sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục theo quy định của Nhà nước, pháp luật. Chịu trách nhiệm về hiệu quả, tiến độ thực hiện đầu tư, sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn.

c) Kế hoạch giá thành sản phẩm

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
I	Giá thành xuất xưởng		
1	Polypropylene	Triệu đồng/tấn	29,02

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
2	LPG	Triệu đồng/tấn	14,18
3	Xăng E5 RON 92	Triệu đồng/tấn	17,76
4	Xăng RON 91/92	Triệu đồng/tấn	17,38
5	Xăng RON 95	Triệu đồng/tấn	17,68
6	Jet A1	Triệu đồng/tấn	15,62
7	Diesel Oil	Triệu đồng/tấn	14,83
8	Fuel Oil	Triệu đồng/tấn	9,80
II	Giá thành tiêu thụ (bao gồm cả chi phí bán hàng và chi phí quản lý)		
1	Polypropylene	Triệu đồng/tấn	29,34
2	LPG	Triệu đồng/tấn	14,42
3	Xăng E5 RON 92	Triệu đồng/tấn	18,00
4	Xăng RON 91/92	Triệu đồng/tấn	17,62
5	Xăng RON 95	Triệu đồng/tấn	17,91
6	Jet A1	Triệu đồng/tấn	15,89
7	Diesel Oil	Triệu đồng/tấn	15,07
8	Fuel Oil	Triệu đồng/tấn	9,97

E. Giải pháp thực hiện

Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 như trên, BSR sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp như sau:

1. Giải pháp chung:

–Duy trì sự đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động trong Đảng bộ, giữa HĐQT và Ban TGD để đảm bảo các chỉ đạo xuyên suốt, nhất quán, kịp thời và hiệu quả.

–Kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp tới Tập đoàn, các cơ quan chức năng của tỉnh và các Bộ/Ngành liên quan.

2. Giải pháp về an ninh, an toàn, sức khỏe và môi trường

–Thực hiện phương án phòng ngừa và ứng phó dịch bệnh Covid-19 đảm bảo an toàn cho người lao động và hoạt động SXKD.

–Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe người lao động, khám sức khỏe định kỳ và sức khỏe nghề nghiệp, sơ cứu y tế...

–Đảm bảo an toàn trong BDTT lần 5.

–Đào tạo huấn luyện ATMT cho nhân sự BSR và Nhà thầu.

–Quản lý hoạt động kiểm tra an toàn định kỳ thiết bị dụng cụ. Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị phục vụ công tác PCCC và UPSC (SCBA, ELSA, Airline, UPSCTD).

–Quản lý và kiểm soát điều tra tai nạn sự cố.

–Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình Vận hành, bảo dưỡng, sinh hoạt (Chất thải nguy hại, nước thải công nghiệp, chất thải rắn, nước sinh hoạt). Quản lý các hoạt động xả thải, khí thải và các hoạt động của thiết bị/máy móc (Nước, bụi, khí, tiếng ồn...).

–Đảm bảo An ninh- bảo vệ các công trình của BSR.

–Thực hiện các chương trình tuyên truyền ATMT đến Người lao động, Nhà thầu và dân cư xung quanh Nhà máy.

–Cải tiến trong hoạt động xây dựng VHAT thông qua các ứng dụng quản trị ATLĐ (số hóa e-PTW, Kiểm tra, giám sát thực thi ATLĐ các cấp và Tuyên truyền văn hóa an toàn thông qua Mass TBT).

3. Giải pháp trong sản xuất

– Đảm bảo Nhà máy vận hành an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả góp phần hoàn thành đạt và vượt kế hoạch đã giao.

–Thường xuyên kiểm tra, phát hiện sớm các mối nguy và xây dựng, triển khai các giải pháp kiểm soát rủi ro hiệu quả, đặc biệt đối với các thiết bị quan trọng/tối quan trọng của nhà máy góp phần bảo đảm nhà máy vận hành an toàn, ổn định.

–Linh hoạt, tối ưu hóa trong việc điều chỉnh công suất Nhà máy, cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường và giá sản phẩm.

–Công tác tối ưu hóa năng lượng:

+Tiếp tục theo dõi, giám sát sự tiêu thụ/sử dụng năng lượng của Nhà máy

+Tiếp tục triển khai các giải pháp tối ưu hóa năng lượng.

–Công tác tối ưu hóa sản xuất:

+Tiếp tục tìm kiếm, đánh giá và chế biến thử nghiệm dầu thô mới.

+Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và triển khai thử nghiệm tăng công suất phân xưởng công nghệ.

+Tiếp tục nghiên cứu, triển khai sản xuất sản phẩm PP chủng loại mới.

–Công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5): Tập trung mọi nguồn lực để thực hiện thành công TA5 đảm bảo an toàn, chất lượng, tiết kiệm chi phí và phần đầu rút ngắn thời gian triển khai so với kế hoạch được duyệt nhằm sớm đưa nhà máy vào vận hành trở lại góp phần gia tăng sản lượng sản xuất và lợi nhuận cho công ty. Phát huy tối đa việc sử dụng các nguồn lực tại chỗ (BSR, các đơn vị trong ngành, tại Việt Nam) trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa, giảm thiểu việc sử dụng các dịch vụ kỹ thuật bên ngoài để tiết giảm chi phí.

–Tiếp tục tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và vận hành, bảo dưỡng cho các dự án/ nhà máy khác.

4. Giải pháp trong kinh doanh

–Theo dõi đánh giá cung cầu khu vực, dự báo giá Dầu thô và sản phẩm, crack ...

–Thường xuyên bám sát diễn biến thị trường cũng như tiến độ nhận hàng của khách hàng để ứng phó kịp thời khi thị trường phát sinh tình huống bất lợi.

–Đa dạng hóa nguồn nguyên liệu, tối đa tiêu thụ dầu thô trong nước để tăng lợi ích của chuỗi liên kết trong ngành.

–Đa dạng hóa và xuất bán sản phẩm mới nhằm tăng thêm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

–Xem xét khả năng nhập cấu tử về phối trộn sản phẩm để bán ra thị trường nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.

–Nghiên cứu và ứng dụng chuyển đổi số trong kinh doanh.

5. Giải pháp trong quản trị

–Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo, thông tin thị trường trong nước và ngoài nước, tình hình dịch bệnh, rủi ro địa chính trị tại khu vực và quốc tế... để xây dựng và cập nhật các kịch bản, giải pháp kinh doanh phù hợp, kịp thời nhằm tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu rủi ro đến hoạt động SXKD.

–Tiếp tục nâng cao hệ thống quản trị doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả SXKD. Tổ chức rà soát, nghiên cứu và cải tiến các quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo tuân thủ pháp luật, tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng triển khai áp dụng và mở rộng hệ thống ERP, công tác chuyển đổi số của BSR.

–Triển khai hiệu quả các giải pháp chiến lược góp phần thực hiện thành công Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

–Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm thúc đẩy các định hướng của BSR theo chiến lược phát triển Công ty, quản trị rủi ro, mô hình sản xuất thông minh và đảm bảo hiệu quả các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp, cải tiến, chuyển đổi hoạt động của doanh nghiệp bằng cách tạo ra các quy trình kinh doanh mới, trải nghiệm khách hàng, văn hóa số và văn hóa Công ty.

–Thường xuyên rà soát, phân tích và nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục tối ưu chi phí SXKD nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

–Thực hiện công tác luân chuyển, điều động và chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, sử dụng đúng người đúng việc để nâng cao hiệu quả, phát huy năng lực, sở trường của cán bộ;

–Tiếp tục xây dựng và hệ thống hóa cơ sở dữ liệu đào tạo để nâng cao hiệu quả đào tạo, đảm bảo năng lực cho từng CBCNV, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân sự thay thế, đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới.

–Hoàn thiện hệ thống chế độ đãi ngộ nhằm thu hút, giữ chân đội ngũ nhân lực chất lượng cao, nhân sự tiềm năng, đặc biệt đối với Khối trực tiếp sản xuất, chế độ chính sách đối với nhân sự thực hiện các dự án cung cấp dịch vụ ra bên ngoài Công ty.

–Tăng cường công tác quản lý, kỷ luật lao động, rà soát các quy định về quản lý lao động, tăng cường sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý lao động.

–Đẩy mạnh triển khai, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp BSR.

–Bám sát và tích cực làm việc với các cơ quan thẩm quyền để đưa cổ phiếu BSR niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh khi đủ điều kiện.

6. Giải pháp về khoa học công nghệ

–Bổ trí đủ nguồn lực có năng lực, kinh nghiệm phù hợp với nhiệm vụ/mục tiêu tối ưu hoá và nghiên cứu khoa học.

–Không ngừng trang bị/đào tạo kiến thức, phương pháp nghiên cứu, các phần mềm/công cụ, hợp tác, v.v... phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến hợp lý hoá sản xuất.

–Tiếp tục rà soát và cập nhật quy chế, quy trình liên quan đến sử dụng quỹ khoa học công nghệ và chế độ chính sách cho người có các đề tài nghiên cứu được nghiệm thu (ví dụ như trả thù lao bằng tỷ lệ % lợi nhuận mang lại của các đề tài/sáng kiến cho BSR, v.v...) nhằm đơn giản hoá các thủ tục, tạo động lực/khích lệ công tác nghiên cứu khoa học.

–Thường xuyên chia sẻ nhu cầu của đơn vị tiêu thụ/bao tiêu sản phẩm, bộ phận kinh doanh sản phẩm với bộ phận nghiên cứu khoa học để tổ chức nghiên cứu, sản xuất và bán sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu khách hàng/thị trường.

7. Giải pháp về dòng tiền

–Tối ưu hóa các khoản tiền gửi, vay nợ để tăng vốn lưu động.

–Làm việc với các tổ chức tín dụng/ngân hàng để tiếp cận được các khoản vay ưu đãi với lãi suất thấp và được ngân hàng sẵn sàng giải ngân tiền vay cho BSR khi cần thiết để BSR luôn chủ động về dòng tiền.

–Đôn đốc khách hàng thanh toán đúng hạn, kiểm soát và thu hồi các khoản nợ không để tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi.

8. Giải pháp về đầu tư và vốn

–Thường xuyên rà soát, đánh giá, phân tích hiệu quả các dự án đầu tư, kiểm soát hiệu quả danh mục đầu tư, tăng cường kiểm soát công tác mua các TTB/TSCĐ. Đẩy nhanh và bù đúng tiến độ các công trình đầu tư nhằm sớm đưa vào hoạt động và khai thác, tránh tình trạng đầu tư dàn trải, chậm tiến độ.

–Bám sát các Bộ/Ban/Ngành để giải trình và cập nhật bổ sung hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, đồng thời phối hợp Tư vấn PVE cập nhật Báo cáo Nghiên cứu tiền khả thi (Pre FS) theo ý kiến của các Bộ/Ngành.

–Sau khi Dự án NCMR NMLD Dung Quất được cấp thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, tập trung nguồn lực để thúc đẩy công tác triển khai các bước tiếp theo của Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh) theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

–Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hoá của BSR ngay sau khi có sự chấp thuận của cấp thẩm quyền.

–Xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết đối với từng dự án trong danh mục kế hoạch đầu tư để đảm bảo hoàn thành đúng kế hoạch được giao.

F. Đề xuất kiến nghị

Với các nội dung báo cáo nêu trên, kiến nghị ĐHĐCĐ xem xét, chấp thuận nội dung như sau:

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2023 khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi giá dầu để tính toán kế hoạch năm 2023 hoặc theo giá dầu thực tế; báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện ủy quyền và công bố thông tin theo quy định.